

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm vật tư tiêu hao của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2024-2025 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuấn, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 18 tháng 9 năm 2024 đến trước 17h ngày 28 tháng 9 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 28 tháng 9 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Khóa ba chạc có dây	Chịu được áp lực ≥ 2 bar. Dây nối dài 25 cm. Thể tích mỗi 2ml. Thời gian sử dụng ≥ 96 h. Vật liệu Polyamide hoặc tương đương. Dây nối được làm mềm bằng DEHT an toàn. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng nhận CE.	Cái	1.200

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
2	Khóa ba chạc không dây	Thể tích mỗi 0.26ml. Chịu được áp lực ≥ 2 bar. Thời gian sử dụng ≥ 96 h. Vật liệu polyamide hoặc tương đương. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng nhận CE.	Cái	6.000
3	Dây truyền máu	Chiều dài ≥ 160 cm. Chất liệu PVC hoặc tương đương. Không chứa DEHP. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Đạt chứng nhận CE.	Bộ	6.000
4	Găng khám bệnh các cỡ	Găng khám chất liệu cao su thiên nhiên. Có phủ bột chống dính. Cường độ chịu kéo tối thiểu: Trước lão hóa ≥ 18 MPa, Sau lão hóa ≥ 14 Mpa. Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 650\%$; Sau già hóa: $\geq 500\%$. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Đôi	550.000
5	Găng khám không chứa bột tan	Sản xuất từ cao su thiên nhiên không bột, không gây kích ứng da. Độ dày ngón tay tối thiểu ≥ 0.05 mm. Độ dày lòng bàn tay tối thiểu ≥ 0.05 mm. Cường độ chịu kéo tối thiểu: Trước lão hóa ≥ 14 MPa, Sau lão hóa ≥ 14 Mpa. Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hóa: $\geq 500\%$; Sau già hóa: $\geq 400\%$. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Đôi	5.000
6	Găng tay phẫu thuật các cỡ	Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Có phủ bột chống dính. Chiều dài: Size 6½: 280mm \pm 5mm; Size 7; 7½ và 8: 282mm \pm 7mm. Chiều rộng lòng bàn tay: Size 6½: 83mm \pm 6mm; Size 7: 89mm \pm 6mm; Size 7½: 95mm \pm 6mm; Size 8: 102mm \pm 6mm. Độ dày một lớp: 0,15mm \pm 0,3mm. Cường lực kéo đứt tối thiểu: Trước lão hóa ≥ 24 MPa, Sau lão hóa ≥ 18 MPa. Khả năng giãn dài tối thiểu khi đứt: Trước lão hóa $\geq 750\%$; Sau lão hóa $\geq 600\%$. Được tiệt trùng. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Đôi	150.000
7	Túi máu bốn	Túi 1 (Túi chính): dung tích 250ml chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD, 100 ml dung dịch CPD có: Citric Acid (anhydrous) 0.299g, Sodium Citrate (dihydrate) 2.63g, Monobasic Sodium Phosphate (monohydrate) 0.222g, Dextrose (monohydrate) 2.55g. Túi 2: dung tích 300ml. Túi 3: dung tích 300ml, chứa 56mL dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M; 100 ml dung dịch SAG-M có: Sodium Chloride 0.877g, Adenine 0.0169g, Dextrose (monohydrate) 0.900g, Mannitol 0.525g. Túi 4: dung tích 300mL. Chất liệu túi: nhựa PVC y tế hoặc tương đương, chất làm mềm Di(2-ethyl hexyl) phthalate hoặc tương đương. Kích cỡ lòng túi chính: 136 x 110 mm. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Túi	50
8	Túi máu đơn	Có dung tích 250ml ($\pm 5\%$) để đựng máu toàn phần. Túi chứa sẵn 35ml dung dịch chống đông CPDA -1 hoặc tương đương để bảo quản máu toàn phần ≥ 35 ngày ở 4 độ C \pm 2 độ C. Dây dẫn máu dài 980mm ($\pm 5\%$). Kim lấy máu 16G có nắp bảo vệ đầu kim. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Túi	100
9	Túi đựng nước tiểu 2 lít	Thể tích 2000ml. Chia vạch rõ ràng, van không hồi, chày nước. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	8.000
10	Lọ đựng bệnh phẩm	Lọ nhựa dùng đựng bệnh phẩm. Có nhãn ghi thông tin bệnh phẩm. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485	Lọ	18.000
11	Canuyn mờ khí quản các số	Chất liệu: nhựa PVC hoặc tương đương, có bóng, cong 90 độ. Đầu nối 15mm. Đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống, vô trùng. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	10
12	Sonde foley 2 đường số 8, số 10 trẻ em	Bề mặt và đầu nhẵn cho phép chèn không gây chấn thương để tăng cường sự phù hợp cho bệnh nhân. Bọc 100% silicone hoặc tương đương, dùng tốt cho bệnh nhân dị ứng latex. Lỗ bên đường kính lớn hơn tối đa hóa lưu lượng nước tiểu và giảm đông máu. Có 2 loại Van cao su (Van mềm) và Van nhựa (Van cứng). Tiệt trùng bằng khí EO hoặc tương đương. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	600
13	Sonde foley 2 đường các số người lớn	Chất liệu cao su thiên nhiên hoặc tương đương có phủ silicon giảm kích ứng. Lỗ ống rộng giúp dẫn lưu tốt, thành ống dày chống gãy gập. Bóng cân đối, dung tích bóng 3ml-50ml. Chất liệu không có DEHP. Dài 270 – 400mm. Đạt tối thiểu	Cái	9.000

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		tiêu chuẩn ISO 13485		
14	Sonde foley 3 đường các số	Sonde Foley 3 nhánh. Số 16-24. Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon hoặc tương đương, bóng 30ml, 3 nhánh, chất liệu không có DEHP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	400
15	Sonde chữ T các số	Sonde chữ T. Làm bằng cao su thiên nhiên, phủ silicon hoặc tương đương. Được sử dụng để thông túi mật. Không có DEHP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	10
16	Sonde Petze các cỡ	Được làm từ mù cao su tự nhiên. Có phủ Silicon hoặc tương đương, Kích thước từ 12 Fr đến 40 Fr. Tốc độ dòng chảy ≥ 100 ml/phút với các số từ 16Fr. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	10
17	Sonde dẫn lưu ổ bụng các cỡ	Chất liệu PVC hoặc tương đương. Màu trắng tự nhiên, ống dây mềm dẻo. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	500
18	Sonde dạ dày (cho ăn) các số	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC hoặc tương đương. Có vạch đánh dấu, có mắt phụ, đầu ống được mài nhẵn. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	15.500
19	Sonde hút dịch các cỡ	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh hoặc tương đương. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	30.000
20	Sonde nelaton các số	Làm bằng cao su thiên nhiên hoặc tương đương, kích thước 6 - 24Fr. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.000
21	Sonde niệu quản các số	Một bộ gồm: Xông JJ, kẹp, que đẩy, chỉ rút xông. Xông làm bằng Aliphatic Polyurethan hoặc tương đương. Kích thước: 4,7Fr - 8Fr. Chiều dài 16-30cm. Được tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	50
22	Đầu hút dịch cầm tay Yankauer	Đầu chuẩn, cho phép sử dụng đa năng. Một mảnh liền thiết kế tiện dụng, Vật liệu cứng. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	200
23	Dây thở oxy 2 nhánh các cỡ	Chất liệu nhựa y tế hoặc tương đương. Dây oxy 2 nhánh, chống gãy gấp tắc nghẽn, viền ống thiết kế tròn. Được tiệt trùng. Có bao chứa an toàn đi kèm. Đạt tiêu chuẩn ISO13485 hoặc tương đương.	Cái	2.750
24	Catheter tĩnh mạch rốn các cỡ	Catheter tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. Bao gồm: 01 catheter chất liệu PVC hoặc tương đương. Dài 37cm ($\pm 5\%$). Tốc độ dòng truyền dịch >31 ml/ phút (cỡ 5Fr), Tốc độ dòng truyền dịch >6 ml/ phút (cỡ 3,5 Fr); Tốc độ dòng truyền dịch >16 ml/ phút (cỡ 4Fr). Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Bộ	200
25	Catheter nuôi dưỡng tĩnh mạch trung tâm 1F	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Đóng gói: 01 catheter chất liệu polyurethane hoặc tương đương. Cỡ 1Fr. Dài 20 cm. Tốc độ truyền dịch 0,7ml/phút ($\pm 5\%$). Thể tích mỗi dịch ban đầu 0,09ml ($\pm 5\%$). Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Cái	250
26	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các cỡ	Catheter Tĩnh mạch trung tâm 2 nòng các cỡ bao gồm: Catheter polyurethane hoặc tương đương. Dây dẫn đường làm bằng nitinol hoặc thép không gỉ với đầu hình chữ J. Cây nòng, Bơm tiêm, kim. Đạt tối thiểu tiêu chuẩn ISO 13485.	cái	150
27	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng trẻ em	Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, chống vặn xoắn, đầu chữ J. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan hoặc tương đương, đường kính ngoài 5F, chiều dài 13cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G20, G22. Có dây điện cực để đo ECG. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Bộ	20
28	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng cỡ 4F trẻ em	Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, chống vặn xoắn, đầu chữ J. Có dao mổ và kim nong bằng nhựa. Catheter bằng chất liệu polyurethan hoặc tương đương, đường kính ngoài 4F, chiều dài 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G22. Có dây điện cực để đo ECG. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Bộ	10

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và bàn giao tại Kho Khoa Dược – Tầng 4 nhà B – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo. /.

Nơi nhận:

- Nt; SYTON (đăng tải)
- Lưu: VT, KHTH.



**PHỤ LỤC
BÁO GIÁ**

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Số văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu (Đối với mặt hàng là TBYT)	Thông số kỹ thuật cơ bản	MA HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Quy cách	Đơn giá (VAT) (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền(11) (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
3													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật, văn bản ban hành kết quả phân loại/ số đăng ký lưu hành/ Số giấy phép nhập khẩu và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng hợp nhất khả năng theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày.....tháng.....năm.....

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà
cung cấp**

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))